

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HS-ST

Ngày: 11/5/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Hùng;

*Thẩm phán:* Ông Lê Ngọc Minh;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Ngọc Ân, ông Nguyễn Hữu On và ông Trần Hanh – Đều là cán bộ hưu trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Đình Đáng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2021/TLST-HS n gày 03 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. **Trương Thị N** - Sinh ngày 19 tháng 10 năm 1965 tại: thị xã S, tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố M, phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Giáo viên, Chức vụ: Nguyên hiệu trưởng Trường mầm non X. Đảng viên Đảng cộng sản VN: Đã bị khai trừ ngày : 15-11-2018; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Trương Đình B, sinh năm 1943 (Chết) và bà Lê Thị Q, sinh năm 1944; Chồng: Phạm Hùng S, sinh năm 1964; Có 3 con: Lớn nhất 36 tuổi, nhỏ nhất: 29 tuổi; Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giam lần 1: Từ ngày 19/9/2019 đến ngày 11/11/2019; cho bảo lãnh: Từ ngày 11/11/2019 đến ngày 20/12/2019. Bị bắt tạm giam lần 2: Từ ngày 20/12/2019 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Hữu Hoàng Gi** (Tên gọi khác: Bi) - Sinh ngày 15 tháng 11 năm 1995 tại: thị xã S, tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: khu phố L, phường X, thị xã S, tỉnh

Phú Yên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Phạm Hữu H, sinh năm 1947 và bà Trần Thị H, sinh năm 1958; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị N: Ông Nguyễn Khả Thành – luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Khả Thành, đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

\* Bị hại: Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – CN Bình Định (gọi tắt là Ngân hàng Co-opbank Bình Định).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lương Thế H, sinh năm 1978 ; Nơi cư trú: KV4, phường L, TP. Q, tỉnh B. Chức vụ: Phó giám đốc - Có mặt.

\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Trần Công L, sinh năm 1954; Nơi cư trú: Khu phố L, phường X, thị xã S. Có mặt.

- Phạm Thị Tr, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Khu phố C, phường X, thị xã S. Vắng mặt.

- Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm 1986; Nơi cư trú: KP L, phường X, thị xã S. Vắng mặt.

- Phạm Hùng S, sinh năm 1964; Nơi cư trú: Khu phố M, phường X, thị xã S. Có mặt.

- Phạm Thị Ph, sinh năm 1960; Nơi cư trú: 19/30 LHP, phường 7, TP. T. Có mặt.

- Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967; Nơi cư trú: KP. T, phường X, thị xã S. Vắng mặt.

- Nguyễn Thị M, sinh năm 1979; nơi cư trú: KP. T, phường X, thị xã S. Vắng mặt.

- Trần Võ Ngọc L, sinh năm 1974; Nơi cư trú: thôn T, xã X, thị xã S. Vắng mặt.

- Huỳnh Thị H, sinh năm 1973; Nơi cư trú: KP. D, phường X, thị xã S. Vắng mặt.

- Đỗ Hoàng S, sinh năm 1966; Nơi cư trú: KP. D, phường X, thị xã S.  
Vắng mặt.

- Trần Thúy H, sinh năm 1973; Nơi cư trú: KP A, phường X, thị xã S.  
Vắng mặt.

- Trần Thị Ng, sinh năm 1968; Nơi cư trú: KP. P, phường X, thị xã S.  
Vắng mặt.

- Đặng Văn Th, sinh năm 1988; Nơi cư trú: KP. P, phường X, thị xã S.  
Vắng mặt.

- Phạm Thị Th, sinh năm 1990 ; Nơi cư trú: KP. A, phường X, thị xã S.  
Vắng mặt.

- Đoàn Thị H, sinh năm 1970; Nơi cư trú: KP. T, phường X, thị xã S;  
Vắng mặt.

- Bùi Thị K, sinh năm 1972; Nơi cư trú: thôn T, xã X, thị xã S. Vắng mặt.

- Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1991; Nơi cư trú: KP A, phường X, thị xã S.  
Vắng mặt.

- Huỳnh Thị Diễm Th, sinh năm 1980; Nơi cư trú: KP. T, phường X, thị xã S. Vắng mặt.

- Nguyễn Thành Q , sinh năm 1973; Nơi cư trú: KP. T, phường X, thị xã S. Vắng mặt.

- Đoàn Thị Thùy Th, sinh năm 1980; Nơi cư trú: KP. T, phường X, thị xã S. Vắng mặt.

- Nguyễn D, sinh năm 1971; Nơi cư trú: KP. T, phường X, thị xã S .  
Vắng mặt.

- Trần Thị L, sinh năm 1990; Nơi cư trú: thôn H, xã X, thị xã S. Vắng mặt.

- Lê Hoàng Gi, sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn T, xã X, thị xã S. Vắng mặt.

- Lê Nguyễn Bảo U , sinh năm 1989; Nơi cư trú: KP. A, phường X, thị xã S. Vắng mặt.

- Trần Thị H, sinh năm 1982; Nơi cư trú: thôn T xã X, huyện Đ. Vắng mặt.
- Lê Văn V, sinh năm 1980 ; Nơi cư trú: thôn T, xã X, huyện Đ. Vắng mặt.
- Trần Thúy V, sinh năm 1978; Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện Đ. Vắng mặt.
- Lương Bá D, sinh năm 1974 ; Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện Đ. Vắng mặt.
- Nguyễn Thị Trang Đ, sinh năm 1982; Nơi cư trú: KP. T, phường X, thị xã S. Vắng mặt.
- Phạm Văn T, sinh năm 1972; Nơi cư trú: KP. T, phường X, thị xã S. Vắng mặt.
- Ngô Thị L, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thôn 2, xã X, thị xã S. Vắng mặt.
- Ngô Thị Th, sinh năm 1989 ; Nơi cư trú: KP. A, phường X, thị xã S. Vắng mặt.
- Lê Thế T, sinh năm 1988; Nơi cư trú: KP. A, phường X, thị xã S. Vắng mặt.
- Nguyễn Thị Diễm Ch, sinh năm 1988; Nơi cư trú: KP. T, phường X, thị xã S. Vắng mặt.
- Lê Bửu Tr, sinh năm 1987; Nơi cư trú: KP. Phương L, phường X, thị xã S. Vắng mặt.
- Võ Thị Hồng T, sinh năm 1976; Nơi cư trú: KP. D, phường X , thị xã S. Vắng mặt.
- Võ Thị Hồng H, sinh năm 1985; Nơi cư trú: KP. V, phường X, thị xã S. Vắng mặt.
- Trần Văn M, sinh năm 1969; Nơi cư trú: KP. D, phường X, thị xã S. Vắng mặt.
- Nguyễn Thị Thu M, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Khu phố P, phường X, thị xã S. Vắng mặt.

- Nguyễn Như S, sinh năm 1973 ; Nơi cư trú: KV T, phường N , Tx. A, Bình Định. Có mặt.

- Đinh Thị Hạnh V, sinh năm 1986; Nơi cư trú: thôn T, thị trấn T, huyện T, Bình Định. Vắng mặt.

- Lê Văn Ng, sinh năm 1979 ; Nơi cư trú: thôn C, thị trấn T, huyện T, Bình Định. Có mặt.

- Đặng Hoàng Kh, sinh năm 1989 ; Nơi cư trú: 09 THĐ, phường N, TP. Q, Bình Định. Có mặt.

- Khru Quý Tr, sinh năm 1976 ; Nơi cư trú: Tổ 3, KV7, phường N, TP. Q, Bình Định. Có mặt.

- Tô Thị Bích Tr, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Hẻm 162 NTH, KV8, phường L, TP. Q, Bình Định. Có mặt.

- Nguyễn Bá T, sinh năm 1988 ; Nơi cư trú: KV9A, phường Đ, TP. Q, Bình Định. Có mặt.

- Văn Bảo H, sinh năm 1993 ; Nơi cư trú: 61YL, Tổ 33, KV5, phường T, TP. Q, Bình Định. Vắng mặt.

- Phạm Hùng C, sinh năm 1970 Khu; Nơi cư trú: khu phố M, phường X, thị xã S. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2015 và 2016, Trương Thị N - Hiệu trưởng Trường mầm non X, ký kết Hợp đồng liên kết cho vay không có đảm bảo về tài sản (vay tín chấp) với Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – CN Bình Định (gọi tắt là Ngân hàng Co-opbank Bình Định). Theo hợp đồng liên kết N có trách nhiệm: Phổ biến quy định cho vay, giới thiệu những cán bộ, công nhân viên có nhu cầu vay; đôn đốc người vay trả nợ đầy đủ, đúng hạn. Nếu có biến động về tổ chức thì phải thông báo ngay cho Ngân hàng biết đồng thời chịu trách nhiệm thu hết nợ để trả cho Ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về xác nhận của mình trong cam kết trả nợ của người vay. Bản thân N có vay tiền và ký xác nhận nhiều hồ sơ cho cán bộ, giáo viên, công nhân viên của trường vay tại Ngân hàng trên nên biết trình tự, thủ tục hồ sơ vay chỉ gồm giấy

đề nghị vay vốn có xác nhận đóng dấu của Lãnh đạo đơn vị và Công đoàn trường, các tài liệu khác không cần thiết là bản chính.

Do không có tiền trả nợ bên ngoài nên N bị các chủ nợ thường xuyên đòi và đe dọa làm ảnh hưởng đến công việc, uy tín của N, N nảy sinh ý định lấy tiền của Ngân hàng Co-opbank Bình Định để trả nợ bằng cách tìm những người giả làm giáo viên vay tiền tại ngân hàng rồi đưa lại cho N sử dụng.

Từ tháng 10/2016 đến tháng 02/2018, N đã trực tiếp gặp 25 người gồm: Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị M, Trần Võ Ngọc L, Huỳnh Thị H, Trần Thúy H, Trần Thị Ng, Phạm Thị Th, Đoàn Thị H, Bùi Thị K, Nguyễn Thị Bích L, Huỳnh Thị Diễm Th, Đoàn Thị Thùy Th, Trần Thị L, Nguyễn Thị Th, Lê Nguyễn Bảo U, Trần Thị H, Trần Thúy V, Huỳnh Thị Ngọc Ph, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Trang Đ, Ngô Thị L, Ngô Thị Th, Nguyễn Thị Diễm Ch, Võ Thị Hồng T, Võ Thị Hồng H. N đưa ra thông tin đang cần tiền mua thức ăn cho tôm, hiện nhà trường có suất vay dành cho giáo viên nếu đồng ý giả giáo viên đứng tên vay cho N thì N sẽ cho tiền và N cam kết sẽ trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng đầy đủ vì N là Hiệu trưởng tiền lương cao, gia đình có điều kiện kinh tế, vì thế 25 người đã đồng ý và cung cấp giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu để N làm hồ sơ vay.

Sau khi nhờ được người đứng tên vay tiền, N lấy mẫu hồ sơ của ngân hàng hướng dẫn người vay ghi thông tin cá nhân, thông tin người thừa kế vào đơn xin vay vốn và ký tên đưa cho N hoặc có hồ sơ N tự điền các thông tin rồi đưa người vay ký tên. N ký giả tên người thừa kế và ký xác nhận tại mục Lãnh đạo Cơ quan, đơn vị và giả chữ ký, chữ viết của Phạm Thị Tr – Chủ tịch Công đoàn Trường mầm non X tại mục “T/M Ban chấp hành Công đoàn” rồi lấy 02 con dấu (dấu nhà trường và dấu Công đoàn) do N quản lý đóng dấu vào các chữ ký này; Có 05 đơn xin vay vốn xác định là chữ ký, chữ viết của Phạm Thị Tr tại mục “TM. Ban Chấp hành Công đoàn”.

N làm giả các Quyết định về việc nâng bậc lương cho 23 người giả làm giáo viên bằng cách N lấy Quyết định nâng bậc lương của N có chữ ký của Chủ tịch và đóng dấu đỏ của UBND thị xã S đến tiệm photo KL thuộc phường X, thị xã S đặt vấn đề nhờ nhân viên của tiệm là Phạm Hữu Hoàng Gi làm giả Quyết định khác theo nội dung thông tin do N cung cấp rồi in màu đưa cho N. Phạm Hữu Hoàng Gi trực tiếp sử dụng máy tính, máy in tại tiệm photo để làm giả cho N Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 mang tên Trần Thúy H và Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 19/12/2015 mang tên Trần Thị Ng có chữ ký của ông Phạm K - Chủ tịch UBND thị xã S và hình dấu của UBND thị xã S; Đối với Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 19/10/2016, mang tên Huỳnh Thị H có hình dấu đỏ và chữ ký của ông Phạm K – Chủ tịch UBND thị xã S, N

không xác định do ai làm giả tại đâu. Đối với 20 Quyết định về việc nâng bậc lương photo, 02 hợp đồng lao động đứng tên Phạm Thị Th và Trần Thị L, N tự soạn thảo, photo cắt dán hoàn thiện và N lập 02 bảng thanh toán tiền lương có tên người đứng vay rồi ký xác nhận, đóng dấu với tư cách là Hiệu trưởng và giả chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thị Th – Kế toán nhà trường rồi photo đưa vào hồ sơ vay.

Tổng cộng, N đã làm giả 27 con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức gồm: 23 Quyết định về việc nâng bậc lương cho cán bộ, công chức, viên chức (trong đó có 3 Quyết định nâng bậc lương giả có chữ ký của Chủ tịch và đóng dấu đỏ của UBND thị xã S); 02 Hợp đồng lao động; 02 Bảng thanh toán tiền lương tháng 11/2016 và sử dụng để lập 25 hồ sơ cho 25 người giả làm giáo viên vay tiền tại Ngân hàng Co-opbank Bình Định gồm: Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị M, Trần Võ Thị L mỗi người vay 200.000.000đ; Đoàn Thị Thùy Th vay số tiền 180.000.000đ; Huỳnh Thị H vay số tiền 170.000.000đ; Trần Thúy H, Trần Thị Ng, Đoàn Thị H, Bùi Thị K, Huỳnh Thị Diễm Th, Trần Thúy V, Ngô Thị L, Phạm Thị H, Võ Thị Hồng T, Võ Thị Hồng H mỗi người vay số tiền 150.000.000đ; Trần Thị H, Nguyễn Thị Trang Đ mỗi người vay số tiền 130.000.000đ; Huỳnh Thị Ngọc Ph, Ngô Thị Th mỗi người vay 120.000.000đ; Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị Th, Lê Nguyễn Bảo U, Nguyễn Thị Diễm Ch mỗi người vay số tiền 100.000.000đ; Trần Thị L vay số tiền 80.000.000đ và Phạm Thị Th vay số tiền 70.000.000đ. Sau khi nhận tiền vay từ ngân hàng có 03 người chia tiền vay với N tổng số tiền là 165.000.000đ (gồm Nguyễn Thị Trang Đ 65.000.000đ; Nguyễn Thị Diễm Ch và Đoàn Thị H mỗi người 50.000.000đ); 22 người còn lại đưa tiền cho N, tổng cộng N chiếm đoạt số tiền 3.335.000.000đ trong đó N cho tiền 04 người vay với tổng số tiền 23.000.000đ (gồm Trần Thị L 8.000.000đ; Huỳnh Thị H 9.000.000đ; Phạm Thị Th 1.000.000đ và Ngô Thị L 5.000.000đ), số tiền còn lại N sử dụng để trả nợ cá nhân cũng như trả tiền gốc, lãi ngân hàng các hồ sơ vay để ngân hàng không phát hiện hành vi phạm tội của N. Ngày 24/9/2019, Ngân hàng Co-opbank Bình Định gửi đơn tố cáo N có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 3.500.000.000đ/25 hồ sơ vay, dư nợ tính đến ngày 20/7/2020 là 3.529.865.434đ (trong đó dư nợ gốc là 2.748.130.000đ, dư nợ lãi là 781.735.434đ). Ngày 09-9-2019 Phạm Hữu Hoàng Gi có đơn tố cáo Trương Thị N có hành vi nhờ Gi làm Quyết định về việc nâng bậc lương giả có hình dấu và chữ ký giả của Chủ tịch và UBND thị xã S.

Tại kết luận giám định số 201 ngày 04/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Hình dấu tròn “U.B.N.D thị xã S, tỉnh Phú Yên”

và chữ ký mang tên Phạm K ở mục “Chủ tịch” trên: Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 đứng tên: Trần Thúy H; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 19/12/2015 đứng tên: Trần Thị Ng; Quyết định số 680/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 đứng tên: Huỳnh Thị H là hình dấu giả và chữ ký giả, được sao in bằng phương pháp in phun màu.

Tại kết luận giám định số 184/GĐ-PC09 ngày 24/8/2020, số 186/GĐ-PC09 ngày 31/8/2020, số 195/GĐ-PC09 ngày 10/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận chữ ký tên Phạm Thị Tr tại mục “T/M Ban chấp hành Công đoàn” trong 25 hồ sơ gửi giám định thì có 20 hồ sơ không phải chữ ký, chữ viết của Phạm Thị Tr; 05 hồ sơ là chữ ký, chữ viết của Phạm Thị Tr.

Ngày 06/02/2020, Phòng Nội vụ - UBND thị xã S có công văn số 39/NV xác định: 23 trường hợp có quyết định nâng lương của Trường mầm non X là không có thật, 23 người nói trên cũng không phải là cán bộ, công chức, viên chức do UBND thị xã S quản lý.

\* Ngày 04/02/2020, Phòng GD&ĐT thị xã S có công văn số 50/PGDĐT trả lời v/v rà soát các hợp đồng lao động, xác định như sau: Phòng GD&ĐT thị xã S không ký hợp đồng với bà Phạm Thị Th và bà Trần Thị L thuộc đơn vị Trường mầm non X. Theo danh sách biên chế cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của Trường mầm non X từ năm 2014 – 2016, không có ai tên Phạm Thị Th và Trần Thị L.

Tại bản cáo trạng số 29/CT-VKSPY-P1 ngày 10/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Trương Thị N về tội: *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức* theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174; điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Phạm Hữu Hoàng Gi về tội *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức* theo quy định tại điểm c, khoản 2, điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra. Các bị cáo đều xin Tòa xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện hợp pháp bị hại khai nhận số tiền bị cáo N chiếm đoạt như cáo trạng quy kết là đúng, yêu cầu bị cáo N phải bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố bị cáo Trương Thị N phạm các tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội Làm



giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Phạm Hữu Hoàng Gi phạm tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm c, khoản 2, điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về hình phạt: Áp dụng Điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a, b khoản 3 Điều 341, điểm b, s Khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 54 BLHS; xử phạt Trương Thị N từ 07 năm đến 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 09 năm đến 10 năm 06 tháng tù;

Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 341, điểm s, t Khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự; xử phạt Phạm Hữu Hoàng Gi từ 06 đến 09 tháng tù, về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 3.529.865.434đ, trong đó gốc là 2.748.130.000đ, lãi là 781.735.434đ.

Căn cứ Điều 48 BLHS và Điều 584 BLDS xét thấy việc yêu cầu của đại diện nguyên đơn dân sự là có tính căn cứ, đề nghị HĐXX buộc bị cáo Trương Thị N phải bồi thường Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Bình Định số tiền là 3.529.865.434đ.

Về tài sản tạm giữ: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thu giữ: Số tiền của những người đứng tên vay tiền cho N giao nộp để khắc phục gồm: Nguyễn Thị Trang Đ nộp số tiền 65.000.000đ; Trần Thúy H nộp số tiền 40.000.000đ; Đoàn Thị H nộp số tiền 29.000.000đ; Huỳnh Thị H nộp số tiền 9.000.000đ; Phạm Thị Th nộp số tiền 1.000.000đ và Ngô Thị L nộp số tiền 5.000.000đ và gia đình N tự nguyện nộp khắc phục 520.000.000đ. Toàn bộ số tiền trên đã được nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Yên tại Kho bạc Nhà nước tỉnh và tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên. Riêng đối với Nguyễn Thị Diễm Ch trong quá trình điều tra vụ án đã trả hết số tiền vay cho Ngân hàng Co-opbank Bình Định vào tháng 3/2020. Xét thấy để đảm bảo cho công tác thi hành án, đề nghị HĐXX tiếp tục tạm giữ tất cả số tiền trên để trả cho bị hại.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thị N trình bày lời bào chữa: Bị cáo N được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS như đề nghị của đại diện VKS. Ngoài ra, bị cáo còn được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p, v khoản 1 Điều 51 BLHS, đó là bị hại cũng có 1 phần lỗi; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là người bị khuyết tật nặng; bị cáo có thành tích xuất sắc trong công

tác nên mới được bổ nhiệm là hiệu trưởng nên đề nghị hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức án phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng không bị khiếu nại; việc điều tra, thu thập chứng cứ của Cơ quan điều tra đã được thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 quy định, nên các chứng cứ thu thập được đều đảm bảo giá trị chứng minh và hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của các bị cáo Trương Thị N, Phạm Hữu Hoàng Gi tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết quả giám định và các chứng cứ là tài liệu có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 10/2016 đến tháng 02/2018, tại thị xã S, tỉnh Phú Yên, Trương Thị N đã có hành vi gian dối làm giả 27 con dấu, tài liệu, sử dụng để lập 25 bộ hồ sơ cho 25 người không phải là giáo viên của Trường mầm non X được vay tín chấp tại Ngân hàng Co-opbank Bình Định, chiếm đoạt số tiền 3.335.000.000đ. Phạm Hữu Hoàng Gi đã có hành vi làm giả 02 Quyết định nâng lương có con dấu và chữ ký của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S và in phun màu đưa cho Nữ sử dụng. Do đó, bản Cáo trạng số 29/CT-VKS-P1, ngày 10/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Trương Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và điểm a, b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015. Truy tố bị cáo Phạm Hữu Hoàng Gi về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính, hành vi của bị cáo Trương Thị N còn xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Các bị cáo Trương Thị N, Phạm Hữu Hoàng Gi là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản, làm giả, sử dụng giấy tờ, tài liệu giả nhằm lừa dối người khác là nguy hiểm; nhưng vì lợi ích cá nhân mà các bị cáo đã bất chấp pháp luật, xâm hại đến nhiều khách thể được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa

phương. Xét tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Trương Thị N: Từ năm 2016 đến tháng 10/2018, N đã có hành vi làm giả 27 con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, làm hồ sơ giả cho 25 người không phải là giáo viên Trường mầm non X vay tín chấp tại Ngân hàng Co-opbank Bình Định. Sau khi nhận tiền vay từ ngân hàng có 03 người chia tiền vay với N tổng số tiền là 165.000.000đ (gồm Nguyễn Thị Trang Đ 65.000.000đ; Nguyễn Thị Diễm Ch và Đoàn Thị H mỗi người 50.000.000đ); 22 người còn lại đưa tiền cho N, tổng cộng N chiếm đoạt số tiền 3.335.000.000đ. Bị cáo cùng lúc phạm nhiều tội, phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội từ 02 lần trở lên” là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nên phải xử phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã khắc phục được số tiền 520.000.000đ; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi kết thúc tranh luận tại phiên tòa, gia đình bị cáo cung cấp tài liệu chứng minh bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen và được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở; bị cáo là người khuyết tật nặng (bị tổn thương cơ thể do bệnh tật tỷ lệ 61%) nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên áp dụng quy định tại Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo cùng lúc bị xét xử về nhiều tội nên áp dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với bị cáo Phạm Hữu Hoàng Gi: Bị cáo trực tiếp sử dụng máy tính, máy in tại tiệm photo để làm giả cho N Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 mang tên Trần Thúy H và Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 19/12/2015 mang tên Trần Thị Ng có chữ ký của ông Phạm K - Chủ tịch UBND thị xã S và hình dấu của UBND thị xã S. Bị cáo nhận thức được hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ, tài liệu giả nhằm lừa đảo người khác là nguy hiểm, trái pháp luật, nhưng vì lợi ích cá nhân, bị cáo đã bất chấp pháp luật, đã làm giấy tờ giả đưa cho N và nhận tiền công. Bị cáo có nhân thân xấu, trước đây đã bị TAND

tỉnh Phú Yên xét xử và phạt 06 tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” nên cần xử phạt nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tố cáo Trương Thị N góp phần giúp cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện tội phạm nên áp dụng quy định tại Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà điều luật quy định để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo, trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] **Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, chi nhánh Bình Định yêu cầu bị cáo Trương Thị N bồi thường số tiền 3.529.865.434đ, trong đó tiền gốc là 2.748.130.000đ, lãi là 781.735.434đ. Xét thấy yêu cầu của đại diện bị hại là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật (Điều 48 BLHS và Điều 584 BLDS) nên chấp nhận. Buộc bị cáo Trương Thị N phải bồi thường cho Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Bình Định số tiền là 3.529.865.434đ. Bị cáo đã khắc phục 520.000.000đ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thúy H đã nộp khắc phục 40.000.000đ, Nguyễn Thị Trang Đ đã nộp 65.000.000đ; Đoàn Thị H đã nộp số tiền 29.000.000đ. Tổng cộng số tiền đã khắc phục là 654.000.000đ, nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường 2.875.865.434đ.

[5] Các biện pháp tư pháp khác:

[5.1] Đối với số tiền Huỳnh Thị H nộp số tiền 9.000.000đ; Phạm Thị Th nộp số tiền 1.000.000đ và Ngô Thị L nộp số tiền 5.000.000đ. Tổng cộng đã thu hồi: 15.000.000 đồng (toàn bộ số tiền trên đã được nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Yên tại Kho bạc Nhà nước tỉnh và tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên). Đây là khoản tiền thu lợi bất chính của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nộp lại, nên Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[5.2] Đối với Trần Thị L khi đứng tên vay tiền giúp N và được Trương Thị N cho 8.000.000đ từ khoản tiền chiếm đoạt của Ngân hàng, đây là khoản tiền thu lợi bất chính, nên buộc Trần Thị L nộp lại số tiền 8.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

[5.3] Ngân hàng Co-opbank Bình Định được nhận số tiền mà bị cáo N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp khắc phục hậu quả gồm:

Nguyễn Thị Trang Đ nộp số tiền 65.000.000đ; Đoàn Thị H nộp số tiền 29.000.000đ; Trần Thúy H đã nộp khắc phục 40.000.000đ và gia đình N tự nguyện nộp khắc phục 520.000.000đ (toàn bộ số tiền trên đã được nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Phú Yên tại Kho bạc Nhà nước tỉnh và tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên).

[5.4] Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án 01 USB hiệu Kingmax dung lượng 16GB được cho vào túi niêm phong số PS3A 032976 (theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 10/9/2019 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã S, tỉnh Phú Yên) của bị cáo Phạm Hữu Hoàng Gi.

[6] Về án phí: Các bị cáo Trương Thị N, Phạm Hữu Hoàng Gi bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Đối với hành vi của Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị M, Trần Võ Thị L, Huỳnh Thị H, Trần Thúy H, Trần Thị Ng, Phạm Thị Th, Đoàn Thị H, Bùi Thị K, Nguyễn Thị Bích L, Huỳnh Thị Diễm Th, Đoàn Thị Thùy Th, Trần Thị L, Nguyễn Thị Th, Lê Nguyễn Bảo U, Trần Thị H, Trần Thúy V, Huỳnh Thị Ngọc Ph, Phạm Thị H, Nguyễn Thị Trang Đ, Ngô Thị L, Ngô Thị Th, Nguyễn Thị Diễm Ch, Võ Thị Hồng T, Võ Thị Hồng H với vai trò là người giúp sức cho Trương Thị N “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hành vi của Trần Công L có đồng phạm với Phạm Hữu Hoàng Gi, Trương Thị N về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Điều tra làm rõ, để xử lý trách nhiệm của các nhân viên Ngân hàng HTX Bình Định trong việc cho vay không đúng quy định, gây thất thoát đến tài sản của ngân hàng. Vào ngày 26/02/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã ra Quyết định số 02, trả hồ sơ điều tra bổ sung, tránh bỏ lọt người phạm tội hoặc tội phạm, tuy nhiên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành Công văn số 227/VKS-P1 ngày 02/3/2021 giữ nguyên Cáo trạng số 29/CT-VKS – P1 ngày 10/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên, nên Tòa án xét xử vụ án theo giới hạn mà Bộ luật Tố tụng hình sự quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: bị cáo Trương Thị N phạm các tội: *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*. Bị cáo Phạm Hữu Hoàng Gi phạm tội: *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*;

Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174 ; điểm a, b khoản 3 Điều 341; điểm b, p, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Trương Thị N - 07 (Bảy) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; **02 (hai) năm tù** về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là: **09 (Chín) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/12/2019, được trừ thời gian tạm giam trước từ ngày 19/9/2019 đến ngày 11/11/2019.

Áp dụng: điểm c, khoản 2, Điều 341; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Hữu Hoàng Gi – 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

**Về trách nhiệm bồi thường dân sự:** Căn cứ Điều 48 BLHS và Điều 584 BLDS. Buộc bị cáo Trương Thị N phải bồi thường cho Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Bình Định (Ngân hàng Co-opbank Bình Định) số tiền 3.529.865.434đ (*Ba tỷ năm trăm hai mươi chín triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng*), bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp bồi thường khắc phục số tiền 654.000.000đ nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền là 2.875.865.434đ (*Hai tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng*).

Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Bình Định (Ngân hàng Co-opbank Bình Định) được nhận số tiền 654.000.000đ (*Sáu trăm năm mươi bốn triệu đồng*) do bị cáo N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nộp khắc phục. Cụ thể: Nguyễn Thị Trang Đ 65.000.000đ (*Sáu mươi lăm triệu đồng*) do Nguyễn Thành Kh nộp vào tài khoản số 394909040469 tại KBNN tỉnh Phú Yên của CQCSĐT công an tỉnh ngày 29/7/2020; Trần Thúy Hòa 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) do Lê Hoài Ph nộp vào tài khoản số 394909040469 tại KBNN tỉnh của CQCSĐT công an tỉnh ngày 24/7/2020; Đoàn Thị H: 25.000.000đ (*Hai mươi lăm triệu đồng*) do Nguyễn Thành Kh nộp vào tài khoản số 394909040469 tại KBNN tỉnh Phú Yên của CQCSĐT công an tỉnh ngày 15/7/2020; 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) do Lê Hoài Ph nộp vào tài khoản số 394909040469 tại KBNN tỉnh Phú Yên của CQCSĐT công an tỉnh ngày 04/9/2020 và 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) do Phạm Thanh S nộp thay tại biên lai thu tiền số 0000040 ngày 14/10/2020 của cục THADS tỉnh Phú Yên;



Gia đình Trương Thị N nộp số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) do Phạm Thị Ngọc A nộp thay tại biên lai thu tiền số 0000042 ngày 29/10/2020 và 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) do Phạm Thị Ngọc A (con của Trương Thị N) nộp tại biên lai thu tiền số 0000083 ngày 26/4/2021 của Cục THADS tỉnh Phú Yên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) nếu người có nghĩa vụ chưa thi hành xong nghĩa vụ của mình thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và phần nghĩa vụ chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp khác:** Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền Huỳnh Thị H nộp số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*) do Lê Hoài Ph nộp vào tài khoản số 394909040469 tại KBNN tỉnh của CQCSĐT công an tỉnh ngày 30/7/2020; Phạm Thị Th nộp số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) do Lê Hoài Ph nộp vào tài khoản số 394909040469 tại KBNN tỉnh của CQCSĐT công an tỉnh ngày 10/7/2020 và Ngô Thị L nộp số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) do Lê Hoài Ph nộp vào tài khoản số 394909040469 tại KBNN tỉnh Phú Yên của CQCSĐT công an tỉnh ngày 11/5/2020).

Buộc Trần Thị L nộp lại số tiền 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*) là tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu lưu theo hồ sơ vụ án 01 USB hiệu Kingmax dung lượng 16GB được cho vào túi niêm phong số PS3A 032976 (theo biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 10/9/2019 của Cơ quan CSĐT Công an thị xã S, tỉnh Phú Yên) của bị cáo Phạm Hữu Hoàng Gi.

**Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 21, 24, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trương Thị N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 89.517.000 đồng (*Tám mươi chín triệu năm trăm mười bảy nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Phạm Hữu Hoàng Gi phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân cấp cao (1);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (2);
- PV 27 (1);
- PC 01 (1);
- Sở tư pháp (1);
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu AV, HS

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Hùng**